

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-12-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh H

Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Đỉnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1099/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1973; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T2, xã H, huyện N, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Phương D**, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp T2, xã H, huyện N, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ BC - Ấp T1 xã N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông và bà Đặng Thị Phương D cưới nhau năm 1998. Đến năm 2005 ông và bà D mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Long An, giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 01 ngày 02/12/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ

chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn mang lại hạnh phúc cho nhau. Hai bên đã ngồi lại với nhau hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đặng Thị Phương D.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 06/7/2006, hiện đang sống chung với bà D. Khi ly hôn, cháu Tr có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó nuôi, trường hợp cháu Tr có nguyện vọng sống chung với bà D thì ông đồng ý để cho bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác định ông và bà D không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đặng Thị Phương D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vẫn không có ý kiến trình bày hay phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông H. Đồng thời, bà D cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Ông H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Đặng Thị Phương D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội D: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở ý kiến trình bày của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Minh H được ly hôn với Bà Đặng Thị Phương D.

+ Về nuôi con chung: Ông H đồng ý để bà D trực tiếp nuôi con và con chung cũng có ý kiến nguyện vọng sống chung với bà D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử để cho bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đề nghị

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu chia tài sản chung và xác định giữa ông H và bà D không có nợ ai, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Buộc ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Minh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Phương D. Bà D đang cư trú tại xã H, huyện N. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là bà Đặng Thị Phương D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, ông Nguyễn Minh H và bà Đặng Thị Phương D tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 185/2005 đăng ký ngày 02/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa ông H và bà D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa ông H và bà D đã phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay không hàn gắn được theo lời trình bày của ông H. Xét thấy, Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc ông H yêu cầu ly hôn với bà D nhưng bà D vẫn không có ý kiến phản đối. Đồng thời, bà D luôn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ bà D cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, càng chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông H và bà D là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu ly hôn với bà D là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Đặng Thị Phương D.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82. Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 06/7/2006, hiện nay đã trên 07 tuổi và có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng sống chung với bà D. Mặt khác, con chung đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cũng đồng ý để bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, nên để bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống và học tập, trên cơ sở nguyện vọng của con chung và của ông H, Hội đồng xét xử thống nhất để bà D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà D cố tình vắng mặt, ông H xác định không yêu cầu chia tài sản và xác định giữa ông H và bà D không có nợ ai. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau, các bên có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Minh H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bà Đặng Thị Phương D.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Đặng Thị Phương D.

2. Về nuôi con chung: Bà Đặng Thị Phương D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 06/7/2006, giới tính: Nữ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1 Buộc ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006553 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Minh H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.2 Buộc ông Nguyễn Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Đặng Thị Phương D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tiền Phương